

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC Ở CÁC TRƯỜNG DẠY NGHỀ TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP HIỆN NAY

Phùng Thủy Dung, TS. Nguyễn Tiến Long
Viện Sư phạm kỹ thuật, Trường ĐH Bách Khoa HN

SUMMARY

The paper presents the arguments about the role of vocational training facilities, the criteria and indicators used to assess the effectiveness of vocational training facilities from which to propose measures to improve efficiency in using facilities at Vocational Training Schools in the present context.

Keywords: efficient use of equipment and measures used.

Ngày nhận bài: 28/9/2016; Ngày phản biện: 30/9/2016; Ngày duyệt đăng: 5/10/2016

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây Nhà nước đã từng bước tăng ngân sách đầu tư cho thiết bị dạy học và khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia dạy nghề. Từ đó đã và đang tạo ra tiềm năng sự phạm to lớn cho việc dạy học có hiệu quả. Nhưng thực tế cho thấy hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học của các trường nghề chưa thật sự đáp ứng yêu cầu đào tạo, chưa tương xứng với chi phí đầu tư, vẫn còn nhiều bất cập và khó khăn trong khai thác, sử dụng. Vì vậy, trong khuôn khổ bài viết tác giả đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học tại các Trường nghề trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp hiện nay.

2. Vai trò của thiết bị dạy học trong dạy nghề

Dạy nghề là bậc học chú trọng đến mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Do đó, TBDH càng có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo, thực hiện hiệu quả chức năng cấu nối truyền tải thông tin đào tạo, rèn luyện kỹ năng nghề.

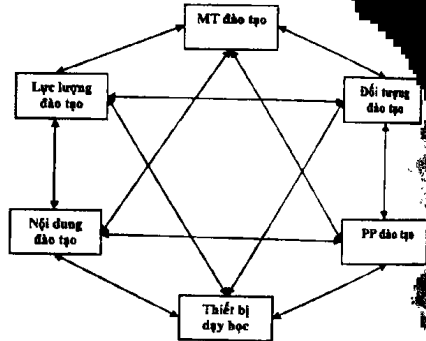
Thông thường, quá trình đào tạo gồm 6 nhân tố cốt lõi sau: Mục tiêu đào tạo; Nội dung, chương trình đào tạo; Phương pháp đào tạo; Lực lượng tham gia đào tạo; Đối tượng đào tạo; Thiết bị dạy học.

Qua đó, chúng ta thấy rằng, vai trò của TBDH tốt, đạt chuẩn là vô cùng quan trọng, hữu dụng khi chính nó cho phép khai thác được những khả năng sự phạm như:

Nâng cao tốc độ tri giác thông tin của cả người dạy và người học.

Cho phép cả thầy và trò tăng khối lượng kiến thức trong quá trình trao đổi và giúp tiết kiệm thời gian lĩnh hội kiến thức và hình thành kỹ năng.

Cho phép diễn đạt một cách tường minh, sâu sắc



Hình 1. Mối quan hệ giữa các thành tố của quá trình đào tạo

và sinh động, những kiến thức, thực hiện trừu tượng bằng nhiều cách đơn giản, dễ hiểu khác nhau.

Góp phần rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo thông qua hoạt động thường xuyên với công cụ, phương tiện kết hợp với trí óc chân tay;

TBDH tạo ra môi trường sinh động mà trong đó người học đóng vai trò là chủ thể được hoạt động thực sự với TBDH tạo ra những sự lôi cuốn, hấp dẫn với cả người dạy và người học, phát huy tối đa tích cực tham gia các hoạt động nhận thức.

3. Đánh giá hiệu quả sử dụng Thiết bị dạy học nghề

Sử dụng TBDH là một trong những phương tiện quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy nghề là nội dung và nguồn thông tin giúp đỡ cho giáo viên và học sinh các trường nghề tổ chức, điều khiển hoạt động dạy và học nghề.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, việc sử dụng TBDH không chỉ nhằm minh họa bài giảng mà còn phải có tác dụng thúc đẩy nguồn nhận thức, phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và rèn luyện kỹ năng thực hành cho người học. Nếu sử dụng thiết bị dạy học một cách tùy tiện, chưa có sự chuẩn bị chu đáo thì không những hiệu quả học tập không cao mà còn dẫn đến tình trạng giáo viên mất nhiều thời gian trên lớp, người học căng thẳng, mệt mỏi.

Trong kinh tế học, hiệu quả được hiểu là chi phí bỏ ra thấp nhất mà thu được lợi nhuận cao nhất. Còn hiệu quả trong đào tạo là sự đầu tư kinh tế trong đào tạo và kết quả mang lại cho sự phát triển đào tạo, kinh tế xã hội, trong đó bao gồm cả sự đầu tư TBDH nghề. Hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học bao gồm những thành phần cơ bản sau: Hiệu suất trong và hiệu suất ngoài.

Các tiêu chí và chỉ số đánh giá hiệu quả sử dụng TBDH nghề.

Tiêu chí 1. Hiệu suất trong.

Chỉ số 1: Tần suất sử dụng TBDH xét theo từng loại sơ yếu cầu giảng dạy môn học đã được quy định trong chương trình và kế hoạch dạy học, tính trên tỷ lệ giáo viên, tỷ lệ giờ học (hoặc thời gian thực học), tỉ lệ môn học, tỉ lệ loại thiết bị.

Chỉ số 2: Mức độ sử dụng TBDH xét theo khả năng khai thác thực tế của giáo viên và học viên so với tính năng kỹ thuật và tính năng sử dụng của thiết bị, tính trên các tỉ lệ nói trên.

Chỉ số 3: Tính thành thạo sử dụng thiết bị xét theo kỹ năng, thao tác và cách xử lý tình huống của giáo viên và học viên trong quá trình sử dụng thiết bị, tính trên tỷ lệ các sự cố về kỹ thuật có thể xảy ra và cách khắc phục an toàn, tỉ lệ khắc phục thành công các sự cố, tỉ lệ những sáng kiến, phát triển các ứng dụng mới mà giáo viên và học viên thực hiện.

Chỉ số 4: Tính kinh tế của sử dụng thiết bị xét theo mức độ hư hỏng, xuống cấp, bảo đảm thời hạn sử dụng thực tế và kĩ năng bảo quản, chính sửa thiết bị của giáo viên và học sinh, tính trên tỉ lệ phần trăm hỏng hóc, giảm chất lượng của mỗi loại thiết bị, tỉ lệ chi phí sửa chữa trên chi phí mua sắm, độ bền sử dụng theo thời gian hoặc theo số lượt sử dụng.

Tiêu chí 2. Hiệu suất ngoài

Chỉ số 5: Mức độ cải tiến, đổi mới phương pháp và kỹ năng dạy học của giáo viên do có sử dụng thiết bị, phương tiện, xét theo số lượng giờ học được đánh giá tốt. Giáo viên phát triển những kỹ năng, những tri thức và quan điểm mới trong quá trình dạy học nhờ tác động của các loại hình thiết bị sự đa dạng của các hình thức dạy học và kỹ thuật lên lớp, việc tổ chức học tập, kiểm tra và đánh giá...

Chỉ số 6: Mức độ cải tiến kỹ năng, thái độ và tính tích cực học tập của học sinh xét theo quan hệ

so sánh với những thời kỳ, những trường và lớp chưa quan tâm sử dụng TBDH hoặc sử dụng TBDH chưa tốt, tức là phải nghiên cứu từng trường hợp và xác định các chỉ số khác biệt giữa các trường, các lớp, các thời kỳ dạy học khác nhau.

Chỉ số 7: Mức độ cải tiến các quan hệ sư phạm trên lớp giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh với nhau, giữa cá nhân và nhóm xét theo tần suất xuất hiện các nhân tố tích cực của môi trường và quan hệ như tăng cường các hành vi hợp tác, tương trợ, tăng cường không khí thi đua và tham gia, mức độ giảm các bất đồng...

Chỉ số 8: Mức độ tăng cường hay nâng cao khả năng giao tiếp, trao đổi thông tin trong học tập và giảng dạy xét theo lượng xuất hiện các cơ hội, điều kiện và phương tiện thuận lợi cho dạy và học ở nhà trường cho mối liên hệ giữa nhà trường và gia đình, giữa học cá nhân và học nhóm, trong giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn của tập thể giáo viên.

Tiêu chí 3. Kết quả so với mục tiêu quản lý

Chỉ số 9: Mức độ đạt mục tiêu chung thể hiện ở kết quả chung thực tế thu được xét theo các mặt quản lý hành chính và nhân sự, quản lý chuyên môn, quản lý học tập và chỉ đạo công tác chung của nhà trường tính trên tỷ lệ kết quả, mục tiêu.

Chỉ số 10: Mức độ đạt mục tiêu chuyên biệt thể hiện ở những kết quả chuyên biệt thực tế thu được ở nhà quản lý, giáo viên, học sinh, gia đình, nhà trường, xã hội được tính chi tiết trên từng người, từng việc, từng nhiệm vụ, thông qua sự tăng cường tri thức, kỹ năng, thái độ, hành vi và đạo đức.

VI dụ: Theo kết quả điều tra khảo sát tại 1 trường Cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Bảng 3.1. Kết quả trả lời các phiếu điều tra về sử dụng thiết bị

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ (%)
I	Mức độ đáp ứng về chủng loại thiết bị so với yêu cầu đào tạo		
	1 Đủ	25	25%
	2 Tạm đủ	45	45%
II	Mức độ đáp ứng về số lượng thiết bị so với yêu cầu		
	3 Thiếu	30	30%
	1 Đủ	45	45%
III	Chất lượng thiết bị		
	2 Tạm đủ	30	30%
	3 Thiếu	25	25%
IV	Chất lượng thiết bị		
	1 Tốt	40	40%

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ (%)
2	Khá	30	30%
3	Trung bình	20	20%
4	Kém	10	10%
IV Sử dụng thiết bị dạy nghề			
1	Thường xuyên sử dụng thiết bị dạy nghề trong giờ giảng	55	55%
2	Cảm thấy vất vả, phức tạp khi sử dụng thiết bị dạy nghề	25	25%
3	Cảm thấy chưa thành thạo khi sử dụng thiết bị dạy nghề	10	10%
4	Được tổ chức hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy nghề	10	10%

Bảng 3.2. Kết quả trả lời các phiếu điều tra đội ngũ cán bộ quản lý

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ (%)
I Mức độ quan tâm của Lãnh đạo nhà trường tới công tác bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý thiết bị đối với đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên?			
1	Rất quan tâm	37	37%
2	Quan tâm	40	40%
3	Ít quan tâm	23	23%
II Mức độ quan trọng của công tác quản lý thiết bị đối với hiệu quả đào tạo			
1	Rất quan trọng	25	25%
2	Quan trọng	36	36%
3	Ít quan trọng	39	39%
III Sự tham gia của cán bộ/giáo viên cho các khóa bồi dưỡng cán bộ quản lý thiết bị			
1	Chưa từng tham gia	80	80%
2	Tham gia 1 lần	20	20%
3	Tham gia nhiều lần	0	0%
IV Lý do tham gia khóa bồi dưỡng cán bộ quản lý thiết bị?			
1	Do nguyện vọng cá nhân	5	5%
2	Do nhu cầu công việc	25	25%
3	Do sự phân công cấp trên	65	65%
4	Lý do khác	5	5%
V Đánh giá sau khi tham gia khóa bồi dưỡng			
1	Rất hiệu quả	55	55%

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ (%)
2	Hiệu quả	37	37%
3	Ít hiệu quả	8	8%

Qua kết quả điều tra trên, tác giả muốn đề xuất một số biện pháp để nâng cao hiệu quả hơn trong việc sử dụng thiết bị tại các Trường nghề hiện nay.

4. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng Thiết bị dạy học tại các Trường dạy nghề hiện nay

4.1. Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của TBDH và quản lý TBDH nghề cho đội ngũ CBQL, GV và HS

Để hiểu rõ tầm quan trọng của công tác quản lý TBDH đáp ứng được hoạt động dạy và học các CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh có nhận thức đúng về vai trò, mục đích của việc quản lý TBDH thì người dạy và người học sẽ tâm huyết với công tác quản lý, tích cực với công tác quản lý và phục vụ tốt trong giảng dạy, góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

4.2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định quản lý thiết bị dạy học

Hoàn thiện lại hệ thống các văn bản quy định để tránh đưa ra quá nhiều các văn bản hướng dẫn khác nhau giữa các bộ phận làm cho người chấp hành khó triển khai thực hiện. Với biện pháp này sẽ giúp cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh trong toàn trường có cùng nhận thức chung, thống nhất với nhau trong việc quản lý thiết bị tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ giáo viên tiếp xúc với hệ thống các văn bản quản lý, chỉ đạo về thiết bị của cấp trên. Từ đó đề ra những quy định thống nhất để cùng nhau phối hợp thực hiện.

4.3. Cải tiến công tác lập kế hoạch quản lý TBDH trong nhà trường

Tạo ra nề nếp thực hiện công tác quản lý thiết bị có kế hoạch, phù hợp với hoạt động dạy học theo hành ở toàn trường. Quá trình thực hiện cần chấp hành đúng các qui định hiện hành của nhà nước về sử dụng nguồn lực trong đầu tư mua sắm, quản lý và sử dụng thiết bị; sử dụng hợp lý đúng chế độ chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ các hoạt động hợp pháp khác; tổ chức bộ máy thực hiện, làm rõ nhiệm vụ của từng đơn vị, từng người; động viên thi đua về vật chất và tinh thần, tham quan học tập kinh nghiệm.

4.4. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thiết bị trong quản lý thiết bị dạy học

Cán bộ quản lý thiết bị vừa là người bảo quản bảo trì thiết bị, vừa là người phụ tá giúp giáo viên thực hiện bài giảng với sự sử dụng thiết bị dạy học ở

lên, năng suất hơn, dễ dàng hơn, hiệu quả hơn; là người nắm vững được công tác chuyên môn, biết thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Việc sắp xếp, nắm vững và quản lý được thiết bị một cách khoa học sẽ giúp cho giáo viên, hỗ trợ đắc lực cho giáo viên những người trực tiếp giảng dạy sẽ có được điều kiện phục vụ tốt nhất cho hoạt động chuyên môn của mình.

4.5. Phát động phong trào tự làm TBDH trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và sinh viên

Phát huy tiềm năng trí tuệ, sáng tạo của giáo viên và học sinh trong hoạt động dạy học. Hoạt động tự làm thiết bị có tác dụng huy động mọi tiềm năng, trí tuệ và sự sáng tạo của họ, kích thích hứng thú nghề nghiệp của giáo viên, niềm say mê học tập của học sinh, thông qua hoạt động này, tầm hiểu biết và nhận thức của giáo viên được mở rộng, thấy được sự cần thiết phải sử dụng thiết bị. Hoạt động tự làm thiết bị còn có tác dụng phục vụ kịp thời cho việc cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học. Tạo thêm thiết bị, khắc phục khó khăn trong điều kiện kinh phí đầu tư cho thiết bị hạn chế.

4.6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá và rút kinh nghiệm trong việc quản lý thiết bị của Nhà trường
nhằm tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước nói chung, quản lý nhà trường nói riêng đối với công tác

5. Kết luận

TBDH có vị trí quan trọng trong các trường dạy nghề. Trong quá trình diễn ra hoạt động dạy nghề, TBDH chịu sự chi phối của nội dung và phương pháp

dạy nghề. Nội dung dạy nghề quy định những đặc điểm cơ bản của TBDH. TBDH phải đáp ứng được nội dung chương trình đào tạo, đồng thời cũng phải thoả mãn các yêu cầu về tính su phạm, tính kinh tế, và yêu cầu về tính thẩm mỹ, sự an toàn cho người học và người dạy. Trong đổi mới phương pháp dạy nghề theo hướng dạy tích hợp (dạy lý thuyết kết hợp thực hành) thì TBDH giữ vai trò vô cùng quan trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2012), Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ. Hà Nội
2. Chính phủ, Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam.(2000), Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Phạm Văn Sơn (2013), *Khai thác, sử dụng hiệu quả Thiết bị trong giáo dục hướng nghiệp*. Tạp chí TBGD, số Th10/2013.
7. Tổng cục Dạy nghề (2011), *Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020*.

BIỆN PHÁP VẬN HÀNH... (tiếp theo trang 93)

ly hoạt động chuyên môn của các trường tiểu học tỉnh Hải Dương trong tình hình đổi mới giáo dục hiện nay. Trong điều kiện cụ thể của mỗi trường, nếu hiệu trưởng vận dụng một cách linh hoạt biện pháp vận hành quan hệ phối hợp - hợp tác thì công tác quản lý hoạt động chuyên môn của nhà trường trường tiểu học sẽ thuận lợi hơn.

Đánh giá chung biện pháp vận hành quan hệ phối hợp - hợp tác của các trường tiểu học đạt kết quả tốt. Mọi quan hệ quan li trong hoạt động chuyên môn ở trường tiểu học thông suốt. Hiệu quả hoạt động chuyên môn đạt kết quả cao.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo (1995). *Một số tiếp cận mới về khoa học quản lý và việc vận dụng vào quản lý giáo dục*. Trường Cán bộ quản lý GD&ĐT TW1.
2. *Điều lệ trường tiểu học*. Ban hành kèm theo Quyết định số: 22/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11

tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

3. Bùi Minh Hiền, Đặng Quốc Bảo, Vũ Ngọc Hải (2008). *Quản lý giáo dục*. NXB Su phạm Hà Nội.
4. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015). *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*. NXB Đại học Sư Phạm.
5. Nguyễn Tiến Hùng (2014). *Quản lý giáo dục phổ thông trong bối cảnh phân cấp quản lý giáo dục*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
6. Bùi Văn Quân (2007). *Giáo trình quản lý giáo dục*. NXB Giáo dục Hà Nội.
7. Thông tư số: 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch về việc Hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh